

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Thực hiện Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” đến năm 2025 thực hiện mục tiêu đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ dinh dưỡng cho người dân nhằm nâng cao thể trạng, trí tuệ, tầm vóc con người Việt Nam; đồng thời thực hiện mục tiêu phát triển bền vững số 2 (SDG2) do Chính phủ Việt Nam cam kết với Tổ chức Liên hợp quốc.

Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, cải thiện căn bản điều kiện sống và sản xuất của hộ nghèo, cận nghèo, nhất là ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Phát huy tinh thần tự lực vươn lên của người nghèo, đảm bảo công bằng, hội nhập và tạo cơ hội cho hộ thoát nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm: Tăng mức tiêu thụ rau, củ, quả trung bình đầu người lên 400 g/ngày.

2.2. Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi, với các chỉ tiêu sau:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 2 tuổi toàn tỉnh xuống dưới 20%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm ở trẻ em dưới 2 tuổi xuống dưới 4%.

- Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (<2.500 gam) xuống dưới 3%.

2.3. Xây dựng và phát triển chuỗi hệ thống lương thực thực phẩm bền vững: 100% hộ tham gia chương trình được tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã và liên kết sản xuất.

2.4. Đảm bảo các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập: Các hộ tham gia chương trình có tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng thu nhập 20%.

2.5. Phần đầu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng hợp lý quanh năm

1.1. Thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng theo kế hoạch phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng đảm bảo dinh dưỡng cho người dân:

- Lập kế hoạch ở các cấp xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân.

- Thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng ở cấp xã.

- Đào tạo cho cán bộ địa phương về kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng.

- Tập huấn cho hộ gia đình kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng (lập kế hoạch sản xuất, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, phòng trừ dịch bệnh).

1.2. Xác định nhu cầu về dinh dưỡng hợp lý cho các độ tuổi của người dân trong hộ gia đình:

- Cập nhật cơ sở dữ liệu thành phần thực phẩm Việt Nam làm cơ sở cho xây dựng chế độ dinh dưỡng hợp lý.

- Cập nhật và phổ biến các hướng dẫn về lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, tháp dinh dưỡng hợp lý và các công cụ đánh giá và giáo dục truyền thông về đảm bảo chế độ ăn lành mạnh và dinh dưỡng hợp lý cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ nhỏ, theo đặc điểm của địa phương, vùng, miền:

- Triển khai thực hiện bộ chỉ số và sổ tay hướng dẫn cân đối dinh dưỡng cho các đối tượng khác nhau trong hộ gia đình.

- Tuyên truyền hướng dẫn, thực hành dinh dưỡng hợp lý cho người dân về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Đào tạo cho hệ thống các cấp chính quyền, cơ quan, đoàn thể về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Triển khai thực hiện hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng tại các khu vực khó khăn và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.

- Xây dựng các tài liệu hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình cho các đối tượng người dân đặc biệt những hộ nghèo, hộ có con dưới 2 tuổi nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng,

cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và vùng có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao.

2. Suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi không còn là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng hoặc ở mức thấp

2.1. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em kể từ khi còn là bào thai đến khi tròn 2 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời):

- Tuyên truyền, phổ biến tài liệu hướng dẫn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi thông qua truyền thông trực tiếp, truyền thông đại chúng và các chiến dịch;

- Cung cấp đủ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi ở trường mầm non;

- Đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế và vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt ở vùng khó khăn;

- Tăng cường kiến thức và kỹ năng tư vấn về nuôi dưỡng trẻ nhỏ của cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế khoa sản, khoa nhi ở bệnh viện.

2.2. Cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em:

- Duy trì chương trình Vitamin A và tẩy giun, bao gồm hoạt động cung ứng vật tư và giám sát triển khai.

- Mở rộng can thiệp phòng chống thiếu máu thiếu sắt, acid folic, kẽm cho phụ nữ tuổi sinh đẻ, có thai và trẻ nhỏ; ưu tiên những vùng đặc biệt khó khăn.

- Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh thông qua cải thiện hệ thống cung ứng.

2.3. Đảm bảo dinh dưỡng cho các đối tượng ưu tiên:

- Đánh giá thực trạng và yếu tố nguy cơ về tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em dân tộc thiểu số, đưa ra giải pháp cụ thể thích hợp.

- Ứng dụng mô hình cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em dân tộc thiểu số.

- Ưu tiên hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi tại những vùng đặc biệt khó khăn và trong tình huống khẩn cấp.

- Quản lý và cung cấp gói điều trị trẻ dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng cấp tính.

- Rà soát, duy trì và nhân rộng mô hình giảm suy dinh dưỡng cộng đồng thích hợp với đặc điểm địa phương, đặc biệt ở vùng khó khăn.

- Triển khai thực hiện mô hình phòng chống suy dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em tại các khu vực tập trung nhiều lao động nữ (khu công nghiệp, vùng sâu, vùng xa...).

2.4. Hoàn thiện chính sách xã hội cần thiết nhằm hỗ trợ cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ được tiếp cận các dịch vụ dinh dưỡng:

- Thực hiện hiệu quả các quy định về tăng cường vi chất vào thực phẩm.
- Tăng cường tuyên truyền và giám sát về chính sách khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ.
- Triển khai thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội chi trả các dịch vụ và sản phẩm dinh dưỡng đặc thù.
- Hoàn thiện hướng dẫn bữa ăn học đường cho trẻ mầm non và áp dụng phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng trong các trường mầm non.
- Hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng hợp lý và chế độ ăn ca cho người lao động, đặc biệt các ngành nghề có tập trung nhiều lao động nữ.

2.5. Giám sát dinh dưỡng:

- Thực hiện việc theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ tại cộng đồng thông qua cung ứng và triển khai hoạt động.
- Bổ sung nội dung giám sát về tiêu thụ thực phẩm và chất lượng dinh dưỡng của khẩu phần, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và trẻ em dưới 02 tuổi vào hệ thống giám sát dinh dưỡng toàn quốc.
- Xây dựng hệ thống và công cụ giám sát dinh dưỡng phù hợp thông qua công nghệ điện tử.
- Tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp.

3. Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững

3.1. Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm:

- Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm thích ứng với biến đổi khí hậu:
- Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ.
- Ưu tiên cho các vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội và trợ cấp lương thực, thực phẩm kịp thời khi cần thiết.
- Phát triển các mô hình tái chế các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, tái sử dụng nước, sử dụng năng lượng tái tạo được khuyến khích bằng chính sách và áp dụng rộng rãi.

3.2. Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai:

- Nghiên cứu xác định tác động của thiên tai và các biện pháp phòng chống đối với sản xuất lương thực, thực phẩm.
- Xây dựng các chương trình đầu tư hạ tầng (đê, kè, đập, hồ chứa...) cho các địa bàn xung yếu chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai.

3.3. Phát triển hệ thống cung ứng và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bền vững:

- Phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ, đáp ứng với nhu cầu tiêu dùng của người dân.

- Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm trang bị các kiến thức cho người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, tiết kiệm.

3.4. Phát triển kinh tế tập thể trong sản xuất nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm:

- Phát triển kinh tế tập thể trong đó nòng cốt là các hợp tác xã thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách: Đào tạo, tín dụng, đất đai, hạ tầng, bảo hiểm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp.

- Tạo cơ chế thu hút đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn.

4. Phân lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập, với nội dung sau:

4.1. Tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững:

- Tăng năng suất các loại cây trồng, vật nuôi thông qua các hoạt động khuyến nông (áp dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chế biến).

- Tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp thông qua việc áp dụng: Giảm chi phí sản xuất, tăng cường cơ giới hóa sản xuất, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị.

- Phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ sản xuất cho những vùng chuyên canh nông nghiệp trọng điểm có sự tham gia của cộng đồng.

- Hỗ trợ lao động nông thôn chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương có mức thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp.

- Theo dõi, giám sát về tăng năng suất và thu nhập của hộ nông dân.

4.2. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và khuyến nông:

- Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ở vùng khó khăn.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

5. Phần đầu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm, với các nội dung sau:

- Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ, phương thức quản lý nhằm giảm tổn thất trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến.

- Đẩy mạnh tuyên truyền giúp người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm chống lãng phí lương thực, thực phẩm.

- Tăng cường năng lực chế biến, kiểm soát an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường trong sản xuất lương thực, thực phẩm.

6. Các hoạt động cụ thể (có phụ lục chi tiết kèm theo).

7. Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện chương trình được lấy từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo; các chương trình mục tiêu, dự án; nguồn vốn sự nghiệp hàng năm và nguồn hỗ trợ của các tổ chức Quốc tế.

III. Giải pháp thực hiện

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, giúp người nghèo nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo, những tấm gương điển hình tiên tiến của người nghèo tự vươn lên thoát nghèo và những mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao nhằm xây dựng ý thức tự vươn lên của người nghèo và sự tương trợ giúp nhau vượt nghèo của cộng đồng dân cư.

2. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, nắm được phương pháp, cách làm, đặc biệt với các hộ gia đình là chủ thể thực hiện chương trình này, nhằm tổ chức triển khai hiệu quả chương trình.

3. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các dự án, chính sách giảm nghèo gắn với việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, quan tâm trợ giúp những đối tượng yếu thế, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội khác, phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất và đời sống gắn với quy hoạch dân cư ở nông thôn vùng cao, vùng đồng bào dân tộc, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Chương trình theo Kế hoạch này.

- Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí triển khai Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh trong dự toán ngân sách sự nghiệp của ngành tại thời điểm lập dự toán, gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; đồng thời, lồng ghép kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án để thực hiện

các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan huy động nguồn vốn và bố trí nguồn vốn của ngành để tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, tổng hợp tình hình, sơ kết chương trình thí điểm, đề xuất kế hoạch mở rộng.

- Tổng hợp các báo cáo định kỳ, đột xuất của các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan huy động và bố trí các nguồn vốn trong và ngoài nước để thực hiện kế hoạch này.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện kế hoạch. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình theo chức năng nhiệm vụ của Sở.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí triển khai Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh trong dự toán ngân sách sự nghiệp của ngành theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

4. Sở Y tế

- Lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Sở Y tế, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung để gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, kế hoạch để triển khai thực hiện chương trình; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan chỉ đạo các nội dung 1 và nội dung 2 thể hiện tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Lập kế hoạch theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án, các mô hình và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình; đồng thời, tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, kế hoạch để triển khai thực hiện; tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình theo chức năng nhiệm vụ của Sở.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương lồng ghép nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo từ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo với Chương trình “Không còn nạn đói”.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan huy động nguồn vốn và bố trí nguồn vốn của ngành để tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông về các nội dung của Chương trình.

- Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan truyền thông triển khai tuyên truyền về các nội dung hoạt động của Chương trình.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương phát triển hệ thống phân phối lương thực, thực phẩm đảm bảo nhu cầu tiêu dùng cho người dân theo Chương trình.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan huy động nguồn vốn và bố trí nguồn vốn của ngành để tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

8. Đề nghị các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội có liên quan theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức mình, phối hợp chặt chẽ với các cấp để tổ chức triển khai Chương trình đạt hiệu quả.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ vào Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này;

định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận, các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, Tài chính, Y tế, LĐT&XH, TT&TT, CT;
- Báo Bình Thuận, Đài PTTH Bình Thuận;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT, Văn.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tuấn Phong